

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1995 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Lê Nhật N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Lê Nhật N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh B vào ngày 07/5/2018, có 01 con chung tên Lê Trương Đăng K, sinh ngày 12/3/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, kể từ năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Ông N không đồng ý với phương án ra ở riêng với bà, và cương quyết tiếp tục ở chung nhà với cha mẹ ruột của ông N. Giữa bà và gia đình chồng mâu thuẫn với nhau rất trầm trọng. Bà đã chuyển ra ở riêng và sống ly thân với ông N hơn 06 tháng nay.

Vì tình cảm với ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục chung sống với ông N được nữa, nên bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung, bà có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng có 01 con chung tên Lê Trương Đăng K, sinh ngày 12/3/2019. Bà tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu K đang sống với bà và cha mẹ ruột của bà tại xã An Điền, thị xã Bến Cát. Bà làm công việc kế toán, lương mỗi tháng là 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lê Nhật N trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà H về thời điểm chung sống thực tế, thời điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông xác định mâu thuẫn giữa tôi và bà H chưa đến mức trầm trọng, nên trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H thì ông không đồng ý ly hôn. Ông và bà H hiện đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay.

Ông thừa nhận là vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn, nhưng không quá nghiêm trọng. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Trường hợp Tòa án xét xử và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Ông hiện làm công nhân, mức lương là 10.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, ông Lê Nhật N giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây. Ông cho rằng dù vợ chồng không còn sống cùng nhà, nhưng ông vẫn còn quan tâm, lui tới thăm nom bà H và cháu K. Nếu bà H đồng ý rút đơn khởi kiện thì ông sẽ tách ra ở riêng cùng với bà H.

*** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Nguyên đơn đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX căn cứ các khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Trương Đăng K, sinh ngày 12/3/2019 cho bà Trương Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp R, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh B, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn bà Trương Thị Thu H tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn đã trình bày ý kiến đầy đủ và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại các khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét bà H và ông N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh B vào ngày 07/5/2018, nên quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng không còn sống cùng nhà, đã sống ly thân đến nay hơn 06 tháng, thể hiện vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận (theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Về con chung: Cháu Lê Trương Đăng K, sinh ngày 12/3/2019 hiện đang sống cùng với bà H. Xét về điều kiện công việc, thu nhập của bà H, HĐXX quyết định giao cháu K cho bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận

sự tự nguyện của ông N về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu H phải nộp theo quy định pháp luật.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn ông Lê Nhật N phải nộp theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu H đối với bị đơn ông Lê Nhật N về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Nhật N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trương Đăng K, sinh ngày 12/3/2019 cho nguyên đơn bà Trương Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Lê Nhật N về việc cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lê Trương Đăng K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông N thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai số 0010966 ngày 28/3/2023 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn ông Lê Nhật N nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/4/2023).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã A, thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành